

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Nguyễn Thành Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kha Thị A, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Phạm Vũ B, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng M

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà H, Bán đảo K, phường P, quận Q, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Võ Nhật C, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Bến Cầu. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố X1, thị trấn Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-02-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Kha Thị A trình bày: Chị A và anh B qua tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn cho đến. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong khoảng thời gian chị A đi hợp tác lao động tại Malaysia từ năm 2009 đến năm 2015 thì trong năm 2013 anh B ở nhà có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, sau đó chị A đã bỏ qua lỗi lầm của anh B để vợ chồng chung sống lo cho con, đến năm 2015 chị A tiếp tục đi hợp tác lao động tại Malaysia từ năm 2015 đến tháng 12/2019 về chung sống lại. Tuy nhiên, vợ chồng sống chung được vài tháng thì anh B lại có tình cảm với người phụ nữ khác và có hành vi bạo lực đối với chị A. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh Phạm Vũ B.

Về con chung: Chị A và anh B có hai con chung tên Phạm Kha Vũ D, sinh ngày 22/6/2003 và Phạm Kha Gia Đ, sinh ngày 12/12/2004; hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A và anh B không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị A cam kết chị A và anh B không có nợ ai. Đối với số tiền nợ 8.000.000 đồng của Ngân hàng M (gọi tắt là ngân hàng) là nợ riêng của anh B. Do đó, anh B có nghĩa vụ trả số tiền nợ này cho ngân hàng, chị A không có nghĩa vụ cùng trả.

Bị đơn – anh Phạm Vũ B đã khai: Về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân đúng như lời trình bày của chị A. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh B thừa nhận là trước đây khi chị A đi hợp tác lao động ở nước ngoài thì ở nhà anh B có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng hiện nay anh B đã chấm dứt mối quan hệ này. Nguyên nhân dẫn đến ly thân là do chị A đi hợp tác lao động về nhà thì thường xuyên đi đánh bạc, anh B khuyên can nhưng chị A không thay đổi nên anh B có đánh chị A một lần. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B chấp nhận yêu cầu của chị A.

Về con chung: Anh B thống nhất anh B và chị A có hai con chung tên Phạm Kha Vũ D, sinh ngày 22/6/2003 và Phạm Kha Gia Đ, sinh ngày 12/12/2004; hiện đang sống với chị A. Anh B chấp nhận giao hai con chung cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A và anh B không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh B cam kết anh B và chị A không có nợ chung. Đối với số tiền nợ 8.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 66000004800087132 là nợ riêng của anh B với ngân hàng, anh B không vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và thời hạn thực hiện hợp đồng vẫn còn nên anh B yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng với ngân hàng.

Đại diện theo uỷ quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Võ Nhật C đã khai: Ngày 06/12/2011, hộ gia đình anh Phạm Vũ B có vay của ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 66000004800087132, lãi suất vay 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/ tháng, ngày đến hạn trả nợ 06/11/2021; mục đích sử dụng vốn: Xây dựng nhà để ở. Nay anh B và chị A thống nhất khoản nợ 8.000.000 đồng là nợ riêng của anh B đối với ngân hàng thì ngân hàng chấp nhận. Từ khi vay cho đến nay, anh B chưa vi phạm hợp đồng và thời hạn hợp đồng vẫn còn nên ngân hàng chấp nhận cho ông B tiếp tục thực hiện hợp đồng cho đến hạn. Ngân hàng đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện ngày 18/3/2020. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của **Bộ luật Tố tụng dân sự**. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 **Bộ luật Tố tụng dân sự** xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Kha Thị A đối với anh Phạm Vũ B. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với chị A, anh B.

Về án phí: Buộc chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh B không phải chịu án phí; ngân hàng không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Kha Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân, con chung giữa chị A và anh B. Đồng thời, ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị A, anh B. Xét thấy, yêu cầu của chị A và yêu cầu của ngân hàng được quy định tại Điều 28 và Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị A, anh B có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh B, ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B, ông An là đúng qui định.

[2] Về hôn nĐ: Chị Kha Thị A và anh Phạm Vũ B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay chị A và anh B không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nĐ và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Kha Thị A và anh Phạm Vũ B.

[3] Về con chung: Chị A và anh B thống nhất có hai con chung tên Phạm Kha Vũ D, sinh ngày 22/6/2003; Phạm Kha Gia Đ, sinh ngày 12/12/2004 và thoả thuận giao cháu D, cháu Đ cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ ngày ly thân chị A chăm sóc con tốt, đảm bảo quyền lợi cho cháu D, cháu Đ và cháu D, cháu Đ có nguyện vọng sống với chị A nên tiếp tục giao cháu D, cháu Đ cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là quy hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ riêng: Ngân hàng và anh B thống nhất số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 66000004800087132 ngày 06/12/2011 là nợ riêng của anh B. Ngày 18/5/2020, ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện, do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với chị A, anh B. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí: Buộc chị Kha Thị A phải chịu án phí sơ thẩm; anh Phạm Vũ B không phải chịu án phí; ngân hàng không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nĐ: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Kha Thị A và anh Phạm Vũ B

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Kha Vũ D, sinh ngày 22/6/2003 và Phạm Kha Gia Đ, sinh ngày 12/12/2004 cho chị Kha Thị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M đối với chị A, anh B. Ngân hàng M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Kha Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nĐ gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: **0014147** ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Phạm Vũ B không phải chịu án phí. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Kha Thị A có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Vũ B, Ngân hàng M có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

B hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu